

# THỨC ĐẨY CHẤT LƯỢNG BỀN VỮNG VỚI DỊCH VỤ KẾ TOÁN PHÂN TÍCH THÔNG MINH TRÊN NỀN CHUYỂN ĐỔI KÉP

Phạm Quang Huy

Vũ Kiến Phúc

**Tóm tắt:** Mục tiêu chính của nghiên cứu hiện tại là xác định và đo lường tác động của chuyển đổi kép (TT) đến thực hiện phân tích thông minh (SA) và tác động của SA đến chất lượng dịch vụ kế toán (ASQ) tại các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán với nghiên cứu điển hình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khu vực Đông Nam Bộ. Dữ liệu thu thập từ 212 đáp viên thông qua phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phát triển mầm được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc bình phương tối thiểu riêng phần với sự hỗ trợ của phần mềm SmartPLS 4.1.0.8. Kết quả phân tích cho thấy, TT có tác động đáng kể theo hướng tích cực đến SA. Đồng thời, SA có tác động đáng kể theo hướng tích cực đến ASQ. Các phát hiện này đóng vai trò là tài liệu tham khảo cho các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán và cơ quan quản lý trong việc hoạch định, ban hành các chính sách kinh tế hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các đơn vị thuộc địa bàn nghiên cứu cũng như quốc gia Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất lượng; Chuyển đổi kép; Dịch vụ kế toán.

## Giới thiệu

Trong những năm gần đây, thành phố Hồ Chí Minh là một khu vực có tốc độ mở và hội nhập quốc tế thuộc nhóm dẫn đầu so với các địa phương khác trên cả nước. Tiến trình hội nhập quốc tế đã mang lại rất nhiều cơ hội tiềm năng cho sự phát triển thị trường nói chung và thị trường dịch vụ kế toán nói riêng. Dịch vụ kế toán được hiểu là hoạt động cung cấp dịch vụ có liên quan đến công tác kế toán cho một tổ chức kinh tế, bao gồm các dịch vụ liên quan đến xử lý sổ sách kế toán, kê khai và quyết toán thuế,... Điều này sẽ giúp các tổ chức kinh tế sử dụng dịch vụ kế toán giảm gánh nặng chi phí, chia sẻ rủi ro, tập trung nguồn lực cho các hoạt động cốt lõi, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tiến bộ công nghệ và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đang làm thay đổi việc cung cấp dịch vụ kế toán và sự gắn kết

của kế toán viên với khách hàng của họ (Holm & Ax, 2020).

Để duy trì và mở rộng thị phần, các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán cần cải thiện các chiến lược cạnh tranh của đơn vị. Điều này có thể đạt được thông qua việc không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ (Fleischman & cộng sự, 2017). Các dịch vụ trước đây do các công ty kế toán chuyên nghiệp cung cấp giờ đây có thể được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng với sự hỗ trợ đắc lực của các công nghệ kỹ thuật số hiện đại. Việc triển khai các công nghệ kỹ thuật số hiện đại được xem là một hướng đi đầy tiềm năng để phát triển dịch vụ kế toán. Theo đó, ngoài việc cung cấp các dịch vụ kế toán theo truyền thống, bao gồm xử lý sổ sách kế toán, kê khai và quyết toán thuế,... việc hướng đến cung cấp các dịch vụ phân tích thông minh (Smart Analytics - SA) kèm theo sẽ góp

phần nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán (Accounting service quality - ASQ) cung cấp cho khách hàng của các công ty dịch vụ.

SA đề cập đến năng lực phân tích một lượng lớn dữ liệu một cách thông minh nhằm phục vụ cho việc ra quyết định và thực hiện đổi mới. Bởi vì, khi nền kinh tế ngày càng phát triển, các tổ chức kinh tế cần nhiều thông tin để dự báo những biến động trên thị trường nhằm quyết định kịp thời. Với sự hỗ trợ của công nghệ kỹ thuật số, SA tiến hành phân tích thông tin theo thời gian thực trên cơ sở kết nối các sự kiện, hiện tượng đã và đang diễn ra, xây dựng các mô hình dự đoán và cung cấp các phản hồi kịp thời cho việc ra quyết định kinh doanh. Do đó, việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số để thực hiện các SA được xem là một hướng đi đúng đắn cho các công ty cung cấp dịch vụ kế toán trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số cần được thực hiện song song với quá trình chuyển đổi bền vững (chuyển đổi kép) để các công ty cung cấp dịch vụ kế toán có thể đạt được sự phát triển bền vững. Do đó, các công ty này phải nhận thức và tận dụng những lợi thế của chuyển đổi số và chuyển đổi bền vững. Trong khi chuyển đổi số cho phép các tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động của quy trình sản xuất và cung ứng sản phẩm, quy trình cung cấp dịch vụ, phát triển mô hình kinh doanh mới,... (Setzke & cộng sự, 2023), thì chuyển đổi bền vững về cơ bản thay đổi các quy trình tổ chức theo hướng bền vững trên khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế (Dorninger & cộng sự, 2020). Đây là nền tảng cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững của các tổ chức cung cấp dịch vụ nói chung, các công ty cung cấp dịch vụ kế toán nói riêng. Nhận thức được tầm quan trọng này, nghiên cứu hiện tại hướng đến việc giải quyết các câu hỏi nghiên cứu như sau:

RQ1. Chuyển đổi kép (TT) có tác động như thế nào đến SA?

RQ2. SA có tác động như thế nào đến ASQ?

### 1. Tổng quan nghiên cứu, xây dựng giả thuyết và phát triển mô hình nghiên cứu

SA đề cập đến năng lực phân tích một lượng lớn dữ liệu một cách thông minh nhằm phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh và thực hiện đổi mới. Các SA được thực hiện với sự hỗ trợ của các công nghệ kỹ thuật số hiện đại như dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo tạo sinh (generative artificial intelligence), mô hình ngôn ngữ lớn (large language model),... Trong khi đó, TT là quá trình thực hiện chuyển đổi xanh và chuyển đổi kỹ thuật số một cách đồng thời nhằm giảm phát thải khí nhà kính của các tổ chức (Rehman & cộng sự, 2023). Theo Findik và cộng sự (2023), TT là việc kết hợp thực hiện kinh tế tuần hoàn và vận dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0. Trí tuệ nhân tạo tạo sinh có tiềm năng trong việc thực hiện hàng loạt các nhiệm vụ đầy thách thức khác nhau theo yêu cầu đề ra (Feuerriegel & cộng sự, 2024). Theo Bochkay và cộng sự (2023), việc sử dụng các thuật toán xử lý ngôn ngữ tự nhiên để phân tích văn bản tài chính đã trở thành chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính và kế toán. Theo đó, Ramautar và cộng sự (2024) đã làm rõ cách mô hình ngôn ngữ lớn có thể tối ưu hóa các chức năng của kế toán bền vững. Trong khi đó, Vasarhelyi và cộng sự (2023) đã tiến hành tìm hiểu các mô hình ngôn ngữ lớn như một công nghệ đang phát triển trong lĩnh vực kế toán. Zayed và cộng sự (2024) đã thực hiện một nghiên cứu điều tra cách triển khai trí tuệ nhân tạo trong hệ thống thông tin kế toán để phát hiện và ngăn chặn gian lận. Abdelhalim (2024) đề xuất tích hợp dữ liệu lớn vào hoạt động kế toán quản trị để thực hiện các phân tích thông tin theo thời gian thực nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu suất quản trị theo định hướng bền vững. Do đó, giả thuyết H1 được phát biểu như sau:

*Giả thuyết 1 (H1): TT có ảnh hưởng và tác động tích cực đến SA.*

Trong không gian thị trường cạnh tranh ngày nay, doanh nghiệp cần có năng lực xử lý khối lượng thông tin khổng lồ và biết cách tận dụng hợp lý tất cả dữ liệu để đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững. Lợi ích lớn nhất của SA là tính chính xác của thông tin đạt được khi triển khai kỹ thuật này. Hơn nữa, SA còn thực hiện các phân tích và giám sát khối lượng dữ liệu không thể phân tích bằng các phương pháp truyền thống. Nhờ sự hỗ trợ của những công nghệ kỹ thuật số như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo tạo sinh, mô hình ngôn ngữ lớn, công nghệ chuỗi khối,... SA giúp cho các tổ chức kinh tế có được thông tin chính xác và cập nhật về các khía cạnh khác nhau ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến mọi hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc thực hiện phân tích kế toán (accounting analytics), phân tích an ninh mạng (cybersecurity analytics), phân tích kinh doanh (business analytics) và phân tích bền vững (sustainable development analytics). SA được thực hiện theo một quy trình nhất định bao gồm xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược, thu thập và xác thực dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu thành thông tin chiến lược để phục vụ cho việc ra các quyết định liên quan đến cung cấp sản phẩm/dịch vụ, cải tiến quy trình, quản lý các

nguồn lực tại đơn vị,.. SA cung cấp bảo mật dữ liệu thông qua việc quản lý người dùng và kiểm soát quyền truy cập. Đặc biệt, đối với mảng kế toán, kiểm toán thì Yuxiang và cộng sự (2024) khẳng định rằng, dữ liệu lớn sẽ là cuộc cách mạng hóa công tác kế toán, cung cấp những hiểu biết sâu sắc nhưng cũng đưa ra những thách thức như quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu. Các chuyên gia kế toán phải vừa am hiểu chuyên môn vừa phải thích ứng với những thay đổi công nghệ, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học để phân tích dữ liệu hiệu quả và phát hiện bất thường, hướng đến phát triển bền vững cho tổ chức. Chìa khóa để vượt qua những thách thức này là các công cụ phân tích nâng cao, học tập liên tục và hợp tác trong ngành. Tóm lại, các SA mang lại cho các tổ chức kinh tế sự hiệu quả, độ chính xác và kịp thời trong việc ra quyết định. Hơn nữa, SA tạo điều kiện cho đơn vị tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới, giảm sự phụ thuộc vào yếu tố con người và đạt được sự phát triển bền vững (Ebute, 2024). Vì vậy, việc tích hợp các SA vào dịch vụ kế toán để cung cấp cho các tổ chức kinh tế trong nền kinh tế số sẽ góp phần nâng cao ASQ. Do đó, giả thuyết H2 được phát biểu như sau:

*Giả thuyết 2 (H2): SA có ảnh hưởng và tác động tích cực đến ASQ.*

HÌNH 1. MÔ HÌNH KHÁI NIỆM



*Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả.*

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Một cuộc khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện với các đáp viên là nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán, nhân viên tại bộ phận kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các giảng viên thuộc chuyên

ngành tài chính - kế toán tại các cơ sở giáo dục thuộc khu vực Đông Nam Bộ. Một cuộc khảo sát thí điểm được thực hiện với 30 người trả lời, có đặc điểm tương tự với đối tượng khảo sát. Kết quả khảo sát thí điểm cho thấy bảng hỏi có nội dung dễ hiểu và phù hợp. Do đó, bảng hỏi

khảo sát đã được sử dụng cho cuộc khảo sát chính thức.

**Chuyển đổi kép (TT):** Thang đo đo lường TT là thang đo tổng quát được cấu thành bởi 3 thành phần, bao gồm cấp độ ngành, cấp độ công nghệ, cấp độ kiến thức, được kế thừa từ nghiên cứu của Ortega - Gras và cộng sự (2021).

**Phân tích thông minh:** Thang đo đo lường SA là thang đo tổng quát được cấu thành bởi 4 thành phần, bao gồm phân tích kế toán, phân tích an ninh mạng, phân tích kinh doanh và phân tích bền vững, được kế thừa từ những nghiên cứu của Huy và Phuc (2024), Djenna và cộng sự (2023), Yoshikuni và cộng sự (2023), Martin và cộng sự (2009), Tamym và cộng sự (2023).

**Chất lượng dịch vụ kế toán:** Thang đo đo lường ASQ là thang đo tổng quát được cấu thành bởi 6 thành phần, bao gồm quan điểm tư vấn, năng lực, hữu hiệu, truyền thông, đổi mới công nghệ, sự tin cậy, được kế thừa từ nghiên cứu của Azzari và cộng sự (2021).

Thang đo Likert 5 điểm (1 = "hoàn toàn không đồng ý", 5 = "hoàn toàn đồng ý") được sử dụng trong nghiên cứu này.

Các đáp viên đã được thông báo đầy đủ về mục tiêu của nghiên cứu cũng như sự cam kết bảo mật toàn bộ thông tin cá nhân. Các câu trả

lời của đáp viên chỉ được trình bày dưới dạng tổng hợp và chỉ phục vụ duy nhất cho nghiên cứu hiện tại. Dữ liệu khảo sát phục vụ cho nghiên cứu này được thu thập bằng cách kết hợp phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phát triển mầm. Thời gian thu thập dữ liệu được tiến hành từ cuối tháng 5 năm 2024 đến giữa tháng 8 năm 2024. Sau khi loại bỏ những phiếu trả lời không đạt yêu cầu, số phiếu còn lại được đưa vào phân tích là 212 phiếu, đạt tỷ lệ phản hồi là 70,67%. Các đáp viên đều có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc. Việc phân tích dữ liệu được thực hiện bằng PLS-SEM với sự hỗ trợ của phần mềm SmartPLS 4.1.0.8.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Đánh giá mô hình đo lường

Kết quả trong Bảng 1, các giá trị rho, Cronbach's alpha, độ tin cậy tổng hợp và Dijkstra-Henseler của mỗi cấu trúc trong nghiên cứu này đạt giá trị cao hơn giá trị ngưỡng được đề xuất là 0,7 (Hair & cộng sự, 2024), do đó, thang đo đạt độ tin cậy. Hệ số tải ngoài (outer loading) có giá trị lớn hơn 0,7 và giá trị phương sai trích trung bình (AVE) đạt mức giá trị từ 0,5 trở lên (Hair & cộng sự, 2024). Theo kết quả trình bày trong Bảng 1, thang đo đạt độ hội tụ.

BẢNG 1. ĐỘ TIN CẬY VÀ GIÁ TRỊ HỘI TỤ

Cấu trúc		Độ hội tụ		Độ tin cậy			Kết luận
		Hệ số tải nhân tố (Factor Loadings)	Phương sai trích trung bình (AVE)	Hệ số Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp (Composite Reliability)	PA	
<b>Chuyển đổi kép</b>	<b>TT</b>						
Cấp độ ngành	IL	0,885 - 0,906	0,802	0,876	0,924	0,877	Chấp nhận
Cấp độ công nghệ	TL	0,807 - 0,895	0,749	0,831	0,899	0,834	Chấp nhận
Cấp độ kiến thức	KL	0,834 - 0,867	0,718	0,804	0,884	0,804	Chấp nhận

<b>Phân tích thông minh</b>	<b>NTC</b>						
Phân tích kế toán	AA	0,853 - 0,879	0,751	0,834	0,900	0,834	Chấp nhận
Phân tích an ninh mạng	CSA	0,792 - 0,830	0,665	0,750	0,856	0,760	Chấp nhận
Phân tích kinh doanh	BA	0,807 - 0,838	0,677	0,762	0,863	0,765	Chấp nhận
Phân tích bền vững	SDA	0,788 - 0,903	0,710	0,799	0,880	0,856	
<b>Chất lượng dịch vụ kế toán</b>	<b>ASQ</b>						
Quan điểm tư vấn	AV	0,852 - 0,899	0,763	0,845	0,906	0,854	Chấp nhận
Khả năng	CAP	0,807 - 0,886	0,700	0,787	0,875	0,810	Chấp nhận
Hiệu quả	EFF	0,831 - 0,846	0,705	0,791	0,878	0,793	Chấp nhận
Truyền thông	COM	0,818 - 0,872	0,723	0,810	0,887	0,823	Chấp nhận
Đổi mới công nghệ	TI	0,760 - 0,863	0,685	0,772	0,867	0,795	Chấp nhận
Sự tin cậy	TRU	0,865 - 0,899	0,778	0,857	0,913	0,858	Chấp nhận

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.*

Hệ số Heterotrait-monotrait (HTMT) đã được sử dụng để đánh giá độ phân biệt của thang đo. Kết quả trong Bảng 2, hệ số HTMT đạt dưới

0,85 (Henseler & cộng sự, 2015), cho thấy thang đo trong mô hình đạt được độ phân biệt.

**BẢNG 2. GIÁ TRỊ PHÂN BIỆT THEO TIÊU CHÍ HETEROTRAIT - MONOTRAIT**

	AA	AV	BA	CAP	COM	CSA	EFF	IL	KL	SDA	TI	TL	TRU
AA													
AV	0,151												
BA	0,284	0,179											
CAP	0,211	0,270	0,107										
COM	0,140	0,045	0,290	0,131									
CSA	0,176	0,113	0,317	0,085	0,224								
EFF	0,210	0,040	0,378	0,094	0,263	0,180							
IL	0,476	0,217	0,552	0,250	0,298	0,413	0,375						
KL	0,200	0,137	0,250	0,139	0,204	0,230	0,148	0,452					
SDA	0,115	0,245	0,056	0,305	0,145	0,090	0,065	0,153	0,152				
TI	0,105	0,116	0,166	0,091	0,204	0,115	0,289	0,188	0,103	0,251			
TL	0,224	0,057	0,213	0,085	0,321	0,104	0,165	0,436	0,180	0,104	0,136		
TRU	0,231	0,477	0,163	0,426	0,101	0,172	0,114	0,297	0,231	0,327	0,072	0,123	

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.*

### 3.2. Đánh giá mô hình cấu trúc

Dựa vào kết quả thống kê được trình bày trong Bảng 3 và Hình 2, TT có tác động đáng kể đến SA ( $\beta = 0,533$ ;  $t\text{-value} = 13,544$ ;  $p\text{-value} = 0,000$ ) và SA có tác động đáng kể đến ASQ ( $\beta = 0,419$ ;  $t\text{-value} = 6,155$ ;  $p\text{-value} = 0,000$ ). Do đó, H1 và H2 được ủng hộ bởi dữ liệu thực nghiệm.

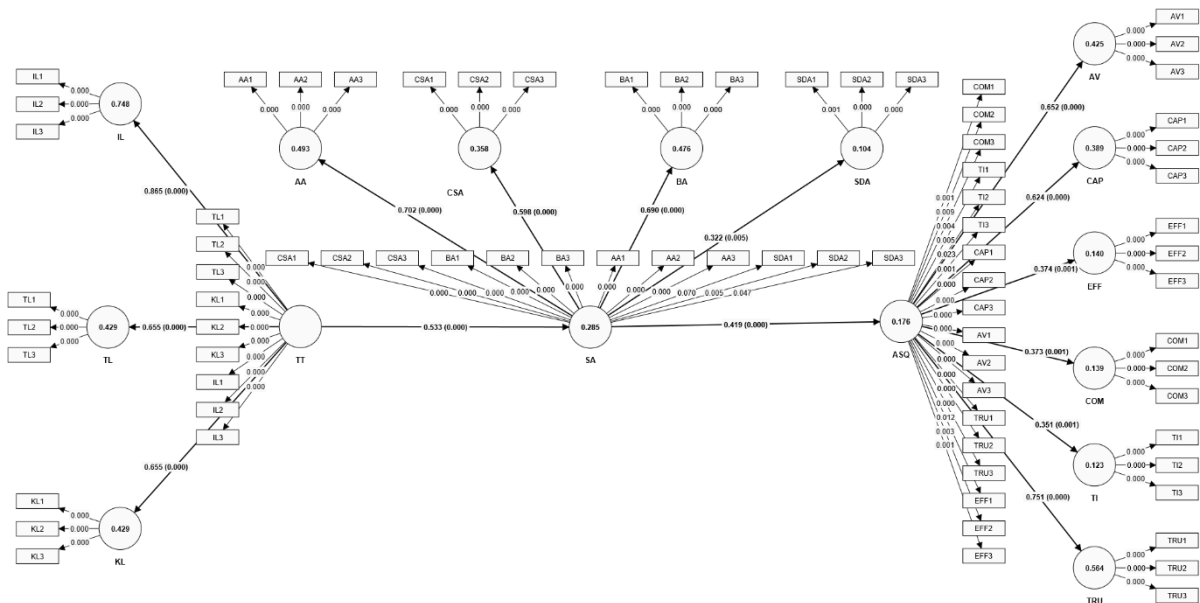
Giá trị  $R^2$  của SA là 0,285 và ASQ là 0,176. Giá trị của hệ số  $f^2$  (hiệu quả tác động) của TT đối với SA là 0,398 và của SA đối với ASQ là 0,213. Giá trị  $Q^2$  của SA là 0,067 và ASQ là 0,036 (lớn hơn 0) (Hair & cộng sự, 2024).

BẢNG 3. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔ HÌNH CẤU TRÚC

Mối quan hệ	Hệ số beta	SE	Khoảng tin cậy 95% (Confidence interval)	VIF	Giá trị t (t-value)	Giá trị p (p-value)	Kết luận
TT → SA	0,533	0,039	[0,449 - 0,604]	1,000	13,544	0,000	Chấp nhận
SA → ASQ	0,419	0,068	[0,254 - 0,524]	1,000	6,155	0,000	Chấp nhận
$R^2$	$R^2_{SA} = 0,285$ ; $R^2_{ASQ} = 0,176$						
$f^2$	$f^2_{TT \Rightarrow SA} = 0,398$ ; $f^2_{SA \Rightarrow ASQ} = 0,213$						
$Q^2$	$Q^2_{SA} = 0,067$ ; $Q^2_{ASQ} = 0,036$						

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.

HÌNH 2. MÔ HÌNH CẤU TRÚC



Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.

#### 4. Thảo luận và hàm ý chính sách

##### 4.1. Thảo luận

Dựa vào kết quả nghiên cứu, có thể nhận định một số điểm sau:

Về kết quả so với các công bố trước: số liệu trên chứng minh được hai giả thuyết đã được kiểm chứng và chấp nhận trong bối cảnh mẫu nghiên cứu tại một quốc gia đang phát triển. Điều này cho thấy rằng chuyển đổi kép cũng có ảnh hưởng đến phân tích dữ liệu kế toán đối với

khu vực không có mức độ phát triển cao, dù vẫn còn những tổ chức áp dụng hệ thống thủ công trong xử lý.

Về phương pháp: nghiên cứu này đã thực hiện phương pháp có sự kết hợp trong việc phát triển mầm và thiết lập giả thuyết trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước; đồng thời đã bổ sung, điều chỉnh một số thang đo cho phù hợp với bối cảnh của một quốc gia đang phát triển có áp dụng công nghệ vào công tác kế toán.

Về gợi ý cho các nghiên cứu sau: với quy mô mẫu hiện tại, các công trình sau để mang tính đại diện có thể mở rộng cỡ mẫu qua khu vực, lĩnh vực hoạt động hoặc quốc gia khác.

#### **4.2. Hàm ý chính sách**

Dựa trên kết quả thu được, nghiên cứu này đề xuất một số hàm ý chính sách, bao gồm:

*Đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:* Các đơn vị cần nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên tại đơn vị về vai trò và ý nghĩa của TT đối với hoạt động kinh doanh tại đơn vị để từng bước xây dựng những giải pháp hữu hiệu và hiệu quả cho việc thực hiện TT. Việc thực hiện quá trình chuyển đổi này đòi hỏi phải phát triển và tạo ra các mô hình kinh doanh bền vững đảm bảo các lợi ích kinh tế luôn đi kèm với việc tạo ra sự bền vững cho hệ sinh thái. Theo đó, các đơn vị nên xem xét triển khai ứng dụng công nghệ kỹ thuật số xanh, thực hiện các quy trình xanh như tiếp thị xanh, quản trị nguồn nhân lực xanh, cải tiến xanh, vận hành chuỗi cung ứng xanh trong quá trình vận hành đơn vị. Các công nghệ kỹ thuật số xanh cũng sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị tích hợp dịch vụ SA vào dịch vụ kế toán mà đơn vị cung cấp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của nhiều khách hàng khi nền kinh tế toàn cầu phụ thuộc hết sức đáng kể vào thông tin cũng như chịu ảnh hưởng lớn của công nghệ.

Thật vậy, với sự hỗ trợ của các công nghệ kỹ thuật số xanh, các SA, bao gồm phân tích kế

toán, phân tích an ninh mạng, phân tích kinh doanh, phân tích bền vững sẽ được thực hiện một cách hiệu quả để cung cấp những thông tin có giá trị phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh trong nền kinh tế số. Để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, đơn vị cũng cần xây dựng tiêu chuẩn đánh giá công việc, từ đó kiểm tra tính chính xác của dịch vụ cung cấp, thiết lập cơ cấu công việc, nhằm kiểm tra chéo, liên kết với công ty tư vấn luật để hỗ trợ cho công việc có tính chất đặc thù. Các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên thực hiện các dịch vụ kế toán thông qua việc cung cấp các chương trình đào tạo phù hợp nhằm cập nhật kiến thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng các công nghệ kỹ thuật số xanh, kỹ năng thực hiện các SA trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số. Bên cạnh đó, đơn vị cần chú trọng tạo động lực cho nguồn nhân lực kế toán tại đơn vị thông qua các chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích tinh thần tích cực, sáng tạo của người lao động và góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.

*Đối với các cơ quan quản lý:* Các cơ quan quản lý cần tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ và việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán của các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán trong nước cũng như các đơn vị nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Để làm được như vậy, các cơ quan quản lý cần chuẩn hóa các quy định về kiểm tra, giám sát ASQ cũng như các chế tài xử phạt cho từng trường hợp vi phạm. Chính phủ cần xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật cho việc phát triển TT. Theo đó, Chính phủ cần chủ động hơn trong việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với khu vực và toàn cầu về công nghệ số và chuyển đổi xanh. Bên cạnh đó, các quy định về chia sẻ dữ liệu và bảo mật dữ liệu là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu. Chính phủ cũng cần xem

xét việc xây dựng các chương trình và kế hoạch bảo đảm an toàn mạng cho quốc gia cũng như tăng cường hợp tác với các tổ chức trên thế giới nhằm củng cố và tăng cường hệ sinh thái an ninh mạng. Ngoài ra, Chính phủ có thể hỗ trợ các đơn vị kinh tế thực hiện TT thông qua việc cung cấp các hỗ trợ về vốn vay, hỗ trợ đạo tạo nguồn nhân lực cho các đơn vị kinh tế trong toàn xã hội nói chung, các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán nói riêng.

*Đối với các hiệp hội nghề nghiệp:* Các hoạt động phát triển nghề nghiệp cần phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế toàn cầu và môi trường quan ngại về môi trường. Theo đó, các tổ chức nghề nghiệp cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mình đối với TT. Để làm được như vậy, các tổ chức nghề nghiệp cần xây dựng kế hoạch hành động cho việc lồng ghép các hoạt động nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề trong xu hướng lồng ghép TT vào chương trình đào tạo nguồn nhân lực để từng bước phát triển nguồn nhân lực có năng lực hành động vì một tương lai bền vững.

Các tổ chức nghề nghiệp cần tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế thông qua việc phối hợp với các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước, ngoài nước cũng như các hiệp hội nghề nghiệp trên toàn thế giới nhằm trao đổi kinh nghiệm về kế toán và hỗ trợ thực hiện các dự án đổi mới mô hình quản lý nghề nghiệp kế toán. Trên cơ

sở tiếp thu các mô hình kế toán của một số quốc gia trên thế giới, các tổ chức nghề nghiệp tại Việt Nam sẽ có thêm kiến thức và kinh nghiệm trong việc tham mưu cho Chính phủ và các cơ quan quản lý trong việc xây dựng kỹ thuật nghiệp vụ kế toán; phát triển dịch vụ kế toán; mô hình đào tạo, thi và cấp chứng chỉ hành nghề về kế toán; thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, công tác kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về kế toán và kiểm toán, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

### Kết luận

Trong quá trình phát triển của nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam luôn định hướng phải thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân, bảo đảm sự hài hòa giữa nhu cầu các bên có liên quan và giữ vững sự phát triển bền vững. Một trong những lĩnh vực quan trọng cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào chính là công tác kế toán, kiểm toán vì nó cung cấp bằng chứng có độ tin cậy để làm cơ sở ra quyết định. Theo xu hướng của công nghệ hiện đại ngày nay, kế toán kiểm toán cần phải phát triển dịch vụ xử lý, cung cấp báo cáo, sổ sách một cách nhanh chóng, thay đổi phong cách nghề nghiệp qua bộ dữ liệu lớn, IoT cũng như phân tích hệ sinh thái thông tin. Điều này sẽ giúp cho công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý của cơ quan nhà nước cũng được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng và đáp ứng đúng lộ trình phát triển mà quốc gia đã đề ra.

### Tài liệu tham khảo

1. Abdelhalim, A.M. (2024). How management accounting practices integrate with big data analytics and its impact on corporate sustainability. *Journal of Financial Reporting and Accounting*, 22(2), 416-432. doi: 10.1108/JFRA-01-2023-0053.
2. Azzari, V., Mainardes, E.W., Beiruth, A.X., & da Costa, F. M. (2021). The dimensions of accounting service quality. *SN Business & Economics*, 1, 1-31. doi: 10.1007/s43546-021-00107-z.
3. Bochkay, K., Brown, S. V., Leone, A. J., & Tucker, J. W. (2023). Textual analysis in accounting: What's next? *Contemporary Accounting Research*, 40(2), 765–805. doi: 10.1111/1911-3846.12825.
4. Djenna, A., Barka, E., Benchikh, A., & Khadir, K. (2023). Unmasking Cybercrime with Artificial-Intelligence-Driven Cybersecurity Analytics. *Sensors*, 23(14), 1-21. doi: 10.3390/s23146302

5. Dorninger, C., Abson, D. J., Apetrei, C. I., Derwort, P., Ives, C. D., Klaniecki, K., Lam, D. P., Langsenlehner, M., Riechers, M., Spittler, N., & von Wehrden, H. (2020). Leverage points for sustainability transformation: A review on interventions in food and energy systems. *Ecological Economics*, 171, 1–9. doi: 10.1016/j.ecolecon.2019.106570.
6. Feuerriegel, S., Hartmann, J., Janiesch, C., & Zschech, P. (2024). Generative AI. *Business & Information Systems Engineering*, 66, 111–126. doi: 10.1007/s12599-023-00834-7.
7. Findik, D., Tirgil, A., & Özbuğday, F. C. (2023). Industry 4.0 as an enabler of circular economy practices: evidence from European SMEs. *Journal of Cleaner Production*, 410, 1-11. doi: 10.1016/j.jclepro.2023.137281.
8. Fleischman, G. M, Johnson, E. N., & Walker, K. B. (2017) An exploratory examination of management accounting service and information quality. *Journal of Management Accounting Research*, 29(2), 11–31. doi: 10.2308/jmar-51614.
9. Hair, J. F., Sarstedt, M., Ringle, C. M., & Gudergan S. P. (2024). *Advanced Issues in Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)* (2<sup>nd</sup> ed.). Thousand Oaks, CA: Sage.
10. Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A New Criterion for Assessing Discriminant Validity in Variance-Based Structural Equation Modeling. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43, 115-135. doi: 10.1007/s11747-014-0403-8.
11. Holm, M., & Ax, C. (2020). The interactive effect of competition intensity and customer service competition on customer accounting sophistication—Evidence of positive and negative associations. *Management Accounting Research*, 46, 1-15. doi: 10.1016/j.mar.2019.07.001.
12. Huy, P. Q., & Phuc, V. K. (2024). Green Innovation Ecosystem Establishment through Strategizing the Business Model in Public Sector. *Revista De Gestão Social E Ambiental*, 18(9), 1-20. doi:10.24857/rgsa.v18n9-002.
13. Martin, J., Petty, W., & Wallace, J. (2009). Shareholder Value Maximization-Is There a Role for Corporate Social Responsibility? *Journal of Applied Corporate Finance*, 21(2), 110–118. doi:10.1111/j.1745-6622.2009.00232.x.
14. Ebute, M. (2024). Data Analytics and Forensic Accounting Techniques for Cybersecurity Investigations: Enhancing Detection and Attribution of Breaches (June 03, 2024). Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=4867129> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4867129>
15. Ortega-Gras, J.-J., Bueno-Delgado, M.-V., Cañavate-Cruzado, G., & Garrido-Lova, J. (2021). Twin Transition through the Implementation of Industry 4.0 Technologies: Desk-Research Analysis and Practical Use Cases in Europe. *Sustainability*, 13, 1-18. doi.org/10.3390/su132413601.
16. Ramautar, V., Ritfeld, N., Brinkkemper, S., España, S. (2024). Optimising Sustainability Accounting: Using Language Models to Match and Merge Survey Indicators. In: Araújo, J., de la Vara, J.L., Santos, M.Y., Assar, S. (eds) *Research Challenges in Information Science. RCIS 2024. Lecture Notes in Business Information Processing*, vol 513 (pp. 338–354). Springer, Cham.
17. Rehman, S.U., Giordino, D., Zhang, Q., & Alam, G.M. (2023). Twin transitions & industry 4.0: unpacking the relationship between digital and green factors to determine green competitive advantage. *Technology in Society*, 73, 1-15. doi: 10.1016/j.techsoc.2023.102227.
18. Setzke, D. S., Riasanow, T., Böhm, M., & Krcmar, H. (2023). Pathways to digital service innovation: The role of digital transformation strategies in established organizations. *Information Systems Frontiers*, 25(3), 1017–1037. doi: 10.1007/s10796-021-10112-0.
19. Tamym, L., Benyoucef, L., Nait Sidi Moh, A., & El Ouadghiri, M. D. (2023). Big Data Analytics-based life cycle sustainability assessment for sustainable manufacturing enterprises evaluation. *Journal of Big Data*, 10, 1-27. doi: 10.1186/s40537-023-00848-8.

20. Vasarhelyi, M. A., Moffitt, K. C., Stewart, T., & Sunderland, D. (2023). Large Language Models: An Emerging Technology in Accounting. *Journal of emerging technologies in accounting*, 20(2), 1–10. doi: 10.2308/JETA-2023-047.
21. Yoshikuni, A. C., Dwivedi, R., Zhou, D., & Wamba, S. F. (2023). Big data and business analytics enabled innovation and dynamic capabilities in organizations: Developing and validating scale. *International Journal of Information Management Data Insights*, 3(2), 1-11. doi: 10.1016/j.jjime.2023.100206.
22. Yuxiang, S., Jingyi, L., Mengdie, L. & Zongying, G. (2024). Study of the Impact of the Big Data Era on Accounting and Auditing. *Frontiers in Business, Economics and Management*, 13(3), <https://doi.org/10.48550/arXiv.2403.07180>
23. Zayed, L.M.M., Nour, M.I., Al Attar, K., Almubaideen, H., & Abdelaziz, G.A.M. (2024). Role of Artificial Intelligence (AI) in Accounting Information Systems in Detecting Fraud. In: Musleh Al-Sartawi, A.M.A., Nour, A.I. (eds) *Artificial Intelligence and Economic Sustainability in the Era of Industrial Revolution 5.0. Studies in Systems, Decision and Control*, vol. 528 (pp. 397–409). Springer, Cham.

---

**Thông tin tác giả:****1. Phạm Quang Huy, PGS.TS.**

- Đơn vị công tác: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ email: pquanghuy@ueh.edu.vn

**2. Vũ Kiến Phúc, ThS.**

- Đơn vị công tác: Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long

Ngày nhận bài: 04/12/2024

Ngày nhận bản sửa: 02/02/2025

Ngày duyệt đăng: 20/02/2025